



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19
ĐẾN NỀN KINH TẾ
VÀ CÁC KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH**

Global Economy

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 ĐẾN NỀN KINH TẾ VÀ CÁC KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Tóm tắt

- *Tăng trưởng GDP quý 2 của Việt Nam dự báo khoảng 2,0 % so với cùng kỳ và thậm chí suy thoái nếu xảy ra kịch bản xấu.* Dự kiến phục hồi từ quý 3 năm 2020. Xuất khẩu giảm từ khoảng 25% trong quý 2 và phục hồi về mức giảm 15% trong các quý sau của năm 2020.
- *Nếu đại dịch dịch kéo dài thì ảnh hưởng đến nền kinh tế là rất nghiêm trọng.* Nếu đến hết tháng 4, 49,2% doanh nghiệp vẫn duy trì được hoạt động; 31,9% cắt giảm qui mô sản xuất; 18,1% tạm dừng hoạt động; và 0,8% có khả năng phá sản. Nếu đến hết tháng 6, tháng 9 hoặc hết năm tỷ lệ phá sản sẽ là 6,1%, 19,3% và 39,3%.
- *Cần có sự lựa chọn hợp lý các chính sách cũng như đối tượng hỗ trợ.* Tác động của dịch bệnh tới các ngành kinh tế có sự khác biệt rất lớn. Một số ngành chịu ảnh hưởng nặng nề, các doanh nghiệp có khả năng phá sản hàng loạt (hàng không, du lịch, thương mại, dịch vụ). Một số ngành vẫn có cơ hội phát triển tốt.
- *Cần phải xây dựng nhiều kịch bản chính sách kinh tế khác nhau từ ngắn đến dài hạn* nhằm ứng phó với tình hình dịch ở cả Việt Nam lẫn các quốc gia khác trên thế giới. Mức độ kết nối rất lớn của Việt Nam với chuỗi giá trị toàn cầu và các biện pháp giãn cách xã hội do các nước áp dụng dẫn đến việc đại dịch có thể được kiểm soát ở Việt Nam cũng không thể làm cho nền kinh tế phục hồi ngay nếu nó vẫn tiếp diễn ở các quốc gia khác.
Nếu bệnh dịch trong nước có thể kiểm soát ngay trong tháng 04 hoặc cùng lắm đến hết quý 2 thì phản ứng chính sách nên mang tính “**hỗ trợ**”. Nếu bệnh dịch kéo dài hơn (đến quý 3 hoặc hết năm 2020) chính phủ cần tính tới các biện pháp thiệp mạnh mẽ hơn mang tính “**giải cứu**”. Các giải pháp chính sách đưa ra cần tính đến độ trễ trong quá trình ban hành và triển khai để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả.
- *Trong mọi trường hợp cần đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm và các hàng hóa thiết yếu cho người dân.* Các doanh nghiệp cung ứng các hàng hóa này cần phải được giám sát chặt chẽ và có biện pháp hỗ trợ cần thiết, tránh xảy ra đứt gãy trong sản xuất và cung ứng.
- *Các chính sách cần hướng đến việc cải thiện khả năng thanh khoản, kéo dài khả năng chống đỡ của doanh nghiệp và đảm bảo an sinh xã hội.* Đặc biệt quan tâm đến những khu vực dễ bị tổn thương như người lao động, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngắn hạn (đặc biệt tại những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất) nhưng đồng thời cũng cần tránh sự đổ vỡ của các doanh nghiệp lớn, đầu tàu để từ đó lan sang các khu vực khác.

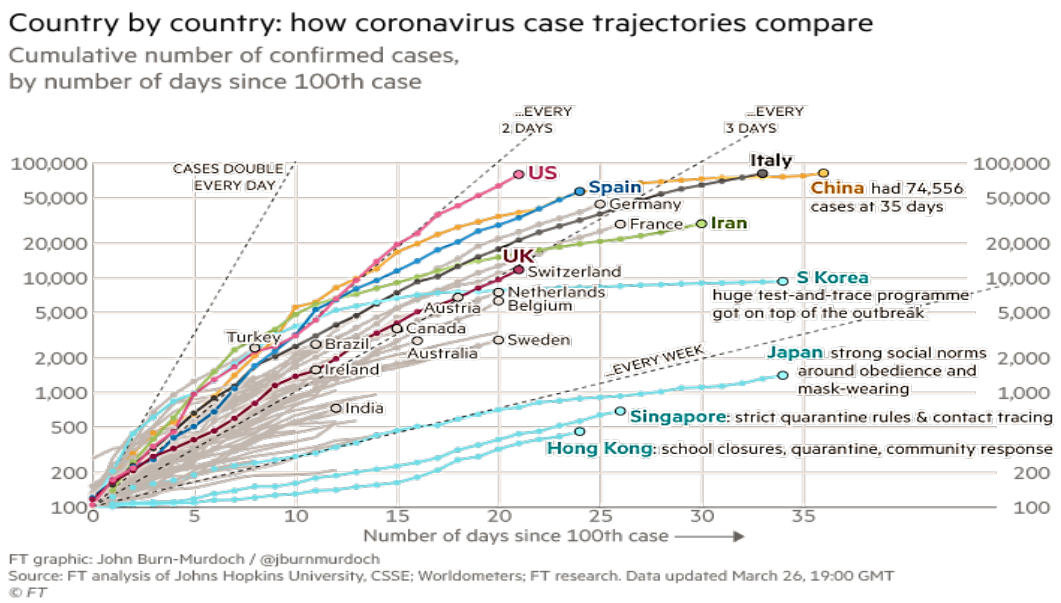
1. DIỄN BIẾN ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Tính đến thời điểm 00 giờ 00 phút GMT ngày 28/3/2020, ở 199 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đã có 569.312 trường hợp nhiễm COVID-19, trong đó đã có 27.341 ca tử vong và 132,676 ca hồi phục. Các quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch bệnh (tính theo số ca nhiễm) gồm có: Mỹ (104.126 ca), Ý (86.498 ca), Trung Quốc (81.340 ca), Tây Ban Nha (65.719 ca), Đức (50.871 ca).

Đại dịch COVID-19 trên thế giới hiện nay được gây ra bởi một loại virus có tên là SARS-CoV-2. Ca lây nhiễm đầu tiên được xác định ở thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc vào tháng 12 năm 2019. Tổ chức y tế thế giới WHO chính thức ghi nhận dịch này là đại dịch toàn cầu (pandemic) vào ngày 11 tháng 3 năm 2020.

Trong vòng 3 tháng qua, diễn biến của đại dịch COVID-19 có thể được chia làm hai giai đoạn tương đối rõ ràng. *Giai đoạn 1* là giai đoạn bùng phát ở Trung Quốc và các nước Châu Á lân cận với tâm dịch là Vũ Hán. *Giai đoạn 2* diễn ra sau đó, khi Trung Quốc đã qua đỉnh dịch và có dấu hiệu được kiểm soát thì dịch bệnh lại bùng lên nhanh chóng tại Châu Âu và Bắc Mỹ.

Hình 1. Diễn biến số ca nhiễm COVID-19 tại một số nước, trục hoành là số ngày tính từ ngày ghi nhận 100 ca dương tính



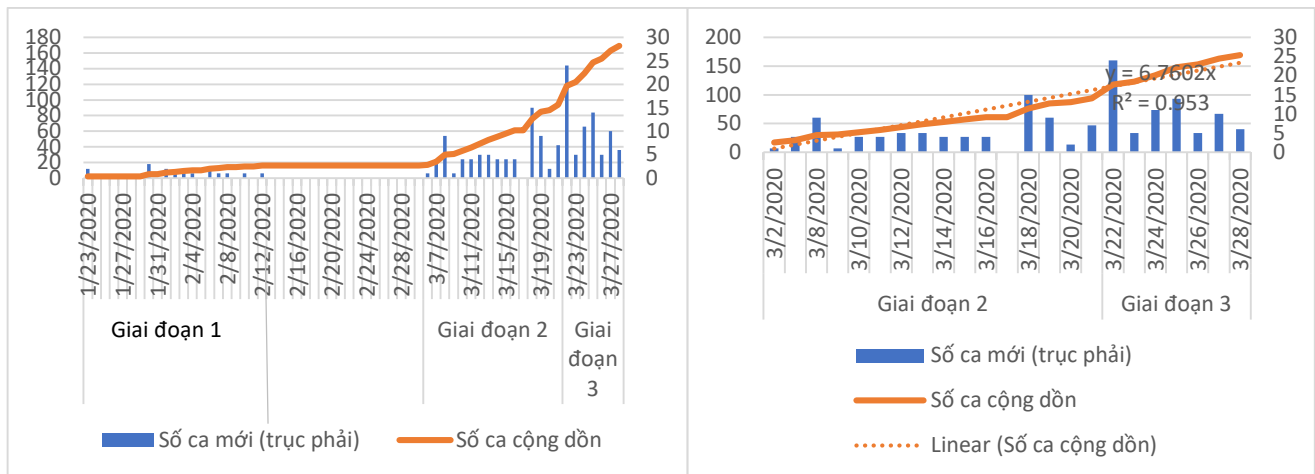
Nguồn: Financial Time với số liệu từ Đại học Johns Hopkins, cập nhật ngày 27/3/2020

Điểm đáng lo ngại là trừ Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Hong Kong (nơi có những biện pháp rất tích cực trong việc ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh), ở các nơi khác, diễn biến

số ca tử vong kể từ thời điểm có 100 ca nhiễm đi theo một xu thế tương đối giống nhau (và giống với Italy là nước có xu thế này trong khoảng thời gian lớn nhất). Điều này làm dấy lên lo ngại rằng tình trạng quá tải hệ thống y tế dẫn đến tỷ lệ tử vong tăng mạnh như ở Italy sẽ xảy đến với nhiều quốc gia khác trong một vài tuần tới.

Tại Việt Nam, tính đến cuối tháng 3, dịch bệnh được chia thành ba giai đoạn. *Giai đoạn 1* từ ngày 23/1 đến 13/2, có 16 ca nhiễm bệnh đã được ghi nhận và đã được chữa khỏi hoàn toàn. *Giai đoạn 2* từ 6/3 đến 21/3, với 78 ca có kết quả dương tính với vi rút và số ca tiếp xúc gần với những người bị bệnh phải theo dõi chặt chẽ lên đến hàng trăm người. *Giai đoạn 3* bắt đầu từ sau khi số ca nhiễm bệnh vượt con số 100 ca vào ngày 22/3. Con số 100 ca là con số quan trọng, vì sau giai đoạn này việc kiểm soát dịch bệnh trở lên khó khăn hơn.

Hình 2. Số ca dương tính ở Việt Nam, 1/2020-3/2020



Nguồn: <https://ourworldindata.org/>

Nguồn: Số liệu được cập nhật tại <https://ncov.moh.gov.vn/>

2. TÁC ĐỘNG ĐẾN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ CÁC PHẢN ỨNG CHÍNH SÁCH

2.1. Tác động của đại dịch COVID-19 đến các nền kinh tế trên thế giới

Đại dịch COVID-19 tác động gần như đồng thời tới toàn bộ các nền kinh tế trên thế giới nhưng theo các cơ chế khác nhau cả về phía cung và phía cầu. Mức độ ảnh hưởng phụ thuộc rất nhiều vào cấu trúc của mỗi nền kinh tế cũng như sự liên kết của nền kinh tế đó với phần còn lại của thế giới.

Về phía cung

Biện pháp chống dịch được các quốc gia sử dụng phổ biến là cách ly và tạo khoảng cách xã hội khiến nguồn cung lao động giảm mạnh, đặc biệt trong những khu vực đòi hỏi sự tham

trực tiếp của lao động vào quá trình sản xuất. Ngoài ra, với những vùng tâm dịch, việc đóng cửa những hoạt động không thiết yếu, thực thi những quy tắc hạn chế đi lại, khiến cho nhiều hoạt động sản xuất bị ngưng trệ.

Với việc hoạt động sản xuất được thiết kế dựa trên chuỗi cung ứng toàn cầu, sự đứt gãy trong sản xuất đầu vào tại một quốc gia sẽ dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực tới quá trình sản xuất tiếp theo tại quốc gia khác.

Trong bối cảnh hiện nay, dù Trung Quốc đã kiểm soát được dịch bệnh, dần khôi phục hoạt động sản xuất trong nước, nhưng EU và Mỹ đang là tâm dịch, sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu là điều không thể tránh khỏi, do vai trò của Mỹ và Châu Âu trong chuỗi là vô cùng quan trọng.

Một điểm tích cực là ảnh hưởng bất lợi tới phía cung sẽ dịu bớt khi tình hình dịch bệnh tại các quốc gia được kiểm soát. Nếu xét theo thực tiễn của Trung Quốc, nhiều chuyên gia cho rằng hoạt động sản xuất có thể dần được hồi phục từ quý 2 năm 2020. Tuy nhiên, cũng tồn tại một số quan điểm bi quan, cho rằng dịch bệnh khó có thể được kiểm soát một cách triệt để trên bình diện rộng, và hoạt động sản xuất có thể rơi vào trạng thái “tắt/bật” (on/off) trước những diễn tiến cụ thể của tình hình dịch bệnh.

Về phía cầu

Nếu như ảnh hưởng của dịch COVID-19 tới phía cung có thể được kiểm soát theo tình hình của dịch bệnh, thì những tác động tới phía cầu được xem là khó dự đoán.

+ Tác động trực tiếp: khi người dân được khuyến cáo hạn chế ra ngoài, lượng người mua hàng tại các cửa hàng và trung tâm thương mại giảm đột ngột, khiến cầu có thể biến mất khỏi thị trường. Dẫn cho hoạt động thương mại điện tử có thể phần nào khắc phục hiện tượng trên, những ảnh hưởng của hạn chế đi lại tới nhu cầu là rất lớn.

Ngoài ra, với việc hoạt động sản xuất ngưng trệ, các doanh nghiệp có thể tạm thời ngừng hoạt động, người lao động có thể bị ngưng việc hay thậm chí rơi vào trạng thái thất nghiệp. Sự mất mát trong thu nhập sẽ khiến cho cầu của đối tượng này giảm mạnh. Ảnh hưởng kể trên sẽ đặc biệt nghiêm trọng đối với những người nằm ngoài vùng phủ của bảo hiểm thất nghiệp.

Hơn nữa, với sự lao dốc của thị trường chứng khoán, giá trị tài sản của các hộ gia đình giảm mạnh, qua đó ảnh hưởng tiêu cực tới cầu tiêu dùng. Trong khoảng thời gian 1 tháng qua, các chỉ số chứng khoán của những thị trường trọng yếu như Mỹ, EU, Nhật đã giảm khoảng 30%.

+ Tác động gián tiếp: ảnh hưởng của dịch COVID-19 tới tâm lý của tác nhân kinh tế là rất tiêu cực, khiến cho họ có trạng thái tâm lý trì hoãn tiêu dùng và đầu tư (hiện tượng này được bộc lộ rõ trong cuộc suy thoái kinh tế 2007-2009).

Điều đáng lo ngại là những khó khăn của khu vực kinh tế thực có thể sẽ lây nhiễm sang khu vực tài chính. Sự phá sản của các doanh nghiệp có thể tạo ra khủng hoảng nợ, là tiền đề cho những đổ vỡ trong hệ thống tài chính của các quốc gia. Tuy nhiên, sau bài học từ khủng hoảng tài chính 2007-2009, các quy định về an toàn tài chính ở các quốc gia đã được siết chặt, cộng với những cam kết mạnh về đảm bảo thanh khoản của các ngân hàng trung ương, trong ngắn hạn rủi ro khủng hoảng tài chính được đánh giá là không quá đáng ngại.

Một số dự báo về tác động của dịch COVID-19 tới các nền kinh tế

Các dự báo của các tổ chức quốc tế về tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch là tương đối tiêu cực. Kinh tế toàn cầu có thể thiệt hại khoảng 1000-2000 tỷ USD trong năm 2020, tăng trưởng giảm từ 0,5 đến 1,5% tùy kịch bản (UNCTAD, IIF, OECD, IMF, HSBC, Oxford Economics, ADB). Tuy nhiên các dự báo này mới chỉ sử dụng các số liệu từ đầu tháng 03 trở về trước khi mà đại dịch chưa thực sự bùng phát ở Châu Âu và Mỹ, trong khi hiện tại, Châu Âu và Mỹ đang trong thời kỳ cao điểm của dịch bệnh, và được đánh giá là sẽ đối mặt với sự sụt giảm mạnh trong GDP của quý 2. Tuy nhiên, sự hồi phục bước đầu của Trung Quốc, cùng với việc Hàn Quốc đang dần kiểm soát tốt dịch bệnh lại là những tín hiệu tích cực ban đầu đối với chuỗi cung ứng toàn cầu.

Cụ thể, ngày 20/03/2020, tập đoàn ngân hàng Deutsche Bank đưa ra dự báo: (i) Kịch bản cơ sở: Trung Quốc có thể đạt được tăng trưởng 1% trong năm 2020, thấp hơn nhiều so với mức dự báo 6,1% trước khi có dịch. Các nước Mỹ, Nhật và EU được dự đoán là sẽ rơi vào suy thoái với tốc độ tăng trưởng lần lượt là -1%, - 2,7% và -3,5%. (ii) Kịch bản xấu: Trung Quốc sẽ đối mặt với tăng trưởng âm là -1% trong năm 2020. Các nước Mỹ, Nhật và EU sẽ thực sự lún sâu vào suy thoái với tốc độ tăng trưởng lần lượt là -3%, -3,6% và -5,5%.

Ngày 26/03/2020 tạp chí The Economist cũng đưa ra những dự báo rất bi quan về tăng trưởng tại các nước G20. GDP toàn cầu năm 2020 sẽ giảm 2,2%. Trong số 20 nền kinh tế lớn nhất, chỉ duy 3 nước được dự đoán là duy trì được tăng trưởng dương là Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia.

Ngày 25/03/2020 công ty McKinsey đưa ra những dự báo về kinh tế toàn cầu dựa trên một số kịch bản của dịch, với giả định phản ứng chính sách của các quốc gia là thành công trong việc xử lý các thiệt hại kinh tế, không để xảy ra khủng hoảng hệ thống tài chính.

Kịch bản 1: Các quốc gia nhanh chóng và hiệu quả kiểm soát dịch trong khoảng 2-3 tháng: (i) Cả Trung Quốc, Mỹ, EU đều tăng trưởng âm trong năm 2020; (ii) Các quốc gia sẽ bắt đầu hồi phục về trạng thái trước khủng hoảng (quý 4 năm 2019) bắt đầu từ quý 3 năm 2020.

Kịch bản 2: Hệ thống y tế ban đầu thành công trong việc chống dịch, nhưng sau đó không đủ hiệu quả để ứng phó với sự bùng phát trở lại của dịch theo khu vực, do đó chính sách giữ khoảng cách xã hội được duy trì trong nhiều tháng: (i) Các quốc gia và khu vực sẽ rơi và suy thoái kinh tế sâu trong năm 2020; (ii) Trung Quốc sẽ phục hồi sớm nhất, vào quý 2 năm 2021. Mỹ và EU sẽ chỉ hồi phục về trạng thái trước khủng hoảng từ quý 1 năm 2023.

Ngày 31/03/2020 World Bank đưa ra dự báo rằng tăng trưởng của các nền kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương khoảng từ 2,1% đến suy thoái -0,5% trong năm 2020 tùy theo các kịch bản khác nhau. Tuy nhiên các nền kinh tế này sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021.

Hầu hết các dự báo đều đưa ra nhận định rằng Mỹ và EU sẽ rơi vào trong trạng thái suy thoái kinh tế nặng nề trong năm 2020. Ảnh hưởng của đại dịch tới các nền kinh tế lớn của châu Á như Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc được đánh giá là ít tiêu cực hơn, do thành công trong việc kiểm soát dịch.

2.2. Phản ứng chính sách hiện nay của các quốc gia

Nhận thức chung của các quốc gia là COVID-19 có tác động vô cùng lớn tới nền kinh tế, đòi hỏi những phản ứng chính sách nhanh và quyết liệt để khắc phục. Với việc áp dụng chính sách cô lập và cách ly để kiểm soát dịch, các chính sách kinh tế vĩ mô sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo những mục tiêu sau: (i) Đảm bảo nhân lực, vật lực cho công tác chống dịch; (ii) Đảm bảo những nhu cầu thiết yếu cho đời sống của người dân; (iii) Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ - đối tượng có tiềm lực tài chính hạn chế, dễ tổn thương do hoạt động sản xuất bị ngưng trệ; (iv) Duy trì tính thanh khoản của hệ thống tài chính; (v) Hỗ trợ một số ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chính sách kiểm soát dịch bệnh như hàng không, du lịch, bán lẻ, v.v.

Bảng 1 tổng hợp sơ bộ về phản ứng chính sách, gói hỗ trợ của các quốc gia hiện nay.

Bảng 1. Phản ứng chính sách của một số quốc gia

STT	Quốc gia	Chính sách tài khóa	Chính sách tiền tệ
1	Trung Quốc	<ul style="list-style-type: none"> Gói kích thích tài khóa khoảng 1,3 nghìn tỷ RMB được thông qua, bao gồm những giải pháp chính: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tăng chi tiêu cho công tác chống và kiểm soát dịch; ✓ Sản xuất trang thiết bị y tế; ✓ Đẩy nhanh việc giải ngân bảo hiểm thất nghiệp ✓ Giảm thuế và miễn đóng bảo hiểm xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> Cắt giảm 1% tỷ lệ dự trữ bắt buộc Gói tái cấp vốn 800 tỉ RMB để các ngân hàng cho các tập đoàn lớn vay Yêu cầu các tổ chức tài chính gia hạn đối với các khoản vay dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ
2	Hàn Quốc	<ul style="list-style-type: none"> 9,4 tỷ USD ngân sách bổ sung để chống dịch Gói hỗ trợ 38 tỷ USD cho doanh nghiệp nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm lãi suất liên ngân hàng xuống 0,25%
3	Nhật	<ul style="list-style-type: none"> Dành 1,8%-2,7% GDP ngân sách bổ sung để hỗ trợ người lao động, cho vay doanh nghiệp nhỏ, và hỗ trợ tiền mặt cho người dân 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm lãi suất cho vay đối với các tập đoàn chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh 700 tỷ JPY chương trình mua trái phiếu
4	Mỹ	<ul style="list-style-type: none"> Dành 2,2 nghìn tỷ USD để kích thích kinh tế 105 tỷ USD để đẩy mạnh công tác chống dịch, hỗ trợ người dân khám và điều trị bệnh do COVID-19 Mở khóa quỹ quốc gia 50 tỷ để sử dụng ứng phó với thảm họa quốc gia 8,3 tỷ USD chi cho y tế 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm lãi suất xuống còn 0%-0,25% Gói 700 tỷ USD mua tài sản (500 tỷ mua trái phiếu, 200 tỷ mua chứng khoán được đảm bảo) Chương trình nói lỏng định lượng không giới hạn
5	Anh	<ul style="list-style-type: none"> Gói 330 tỷ GBP (15% GDP) cho vay đảm bảo Gói 27 tỷ GBP giảm thuế cho doanh nghiệp 7 tỷ GBP chi tiêu khẩn cấp hỗ trợ cho doanh nghiệp, hộ gia đình 5 tỷ cho công tác chống dịch 	<ul style="list-style-type: none"> 200 tỷ GBP mua trái phiếu doanh nghiệp Giảm lãi suất 0,65% Nhiều chương trình hỗ trợ tín dụng

STT	Quốc gia	Chính sách tài khóa	Chính sách tiền tệ
6	Đức	<ul style="list-style-type: none"> Gói kích thích tài khóa khoảng 1% GDP 25 tỷ EUR cho Ủy ban Châu Âu để ứng phó với dịch bệnh 460 tỷ EUR để đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp, thông qua bảo lãnh nhà nước, nước lỏng điều kiện tiếp cận tín dụng 	<ul style="list-style-type: none"> Theo chính sách tiền tệ chung của NHTƯ Châu Âu: <ul style="list-style-type: none"> ✓ 750 tỷ EUR chương trình mua trái phiếu ✓ 120 tỷ EUR chương trình mua tài sản
7	Pháp	<ul style="list-style-type: none"> Gói 45 tỷ EUR (1,9% GDP) chi tiêu khẩn cấp 	
8	Ý	<ul style="list-style-type: none"> Gói 1,5 tỷ EUR cho chống dịch Gói kích thích kinh tế 25 tỷ EUR 	
9	Tây Ban Nha	<ul style="list-style-type: none"> Gói 17 tỷ EUR chi tiêu công Gói 100 tỷ EUR vay do nhà nước bảo đảm 	
10	Thái Lan	<ul style="list-style-type: none"> Gói 518 tỷ THB (3% GDP) cho: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Chi cho hoạt động y tế ✓ Phát tiền và cho vay đối với 3 triệu người lao động ngoài hệ thống an sinh xã hội ✓ Giảm thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm lãi suất từ 1,25% xuống 0,75% Chương trình hỗ trợ vay vốn lưu động để các doanh nghiệp duy trì hoạt động Nới lỏng các điều kiện trả nợ, cơ cấu lại nợ
11	Indonesia	<ul style="list-style-type: none"> Gói tài khóa 33,3 nghìn tỷ IDR (0,2% GDP): <ul style="list-style-type: none"> ✓ Hỗ trợ ngành du lịch ✓ Hỗ trợ các hộ gia đình thu nhập thấp ✓ Miễn thuế thu nhập cho người lao động trong các ngành công nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm lãi suất từ 5% xuống 4,5% Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc
12	Malaysia	<ul style="list-style-type: none"> Gói tài khóa 6 tỷ MYR (0,4% GDP): <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tăng chi tiêu cho trang bị y tế ✓ Miễn thuế tạm thời ✓ Hỗ trợ tiền mặt ✓ Đầu tư cho hạ tầng 	<ul style="list-style-type: none"> Giảm lãi suất từ 2,75% xuống 2,5% Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ 3% xuống 2% 3,3 tỷ MYR hỗ trợ cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ Nới lỏng các quy định giám sát với ngân hàng thương mại

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

2.3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Qua rà soát tác động của đại dịch đến nền kinh tế cũng như phản ứng chính sách của các quốc gia, một số các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam được đúc kết lại như sau:

Ưu tiên cao nhất cho hoạt động chống dịch

Trong bối cảnh dịch COVID-19, mỗi đồng chi tiêu cho công tác chống dịch đều có thể mang lại ngoại ứng tích cực vô cùng lớn. Sự thành công trong kiểm soát dịch là điều kiện căn bản để hồi phục các hoạt động kinh tế. Nghiên cứu của Correria và cộng sự (2020) về tác động của dịch cúm 1918 cũng ủng hộ luận điểm trên, các địa phương phản ứng sớm và quyết liệt nhất trong việc chống dịch không chỉ giảm thiểu được những thiệt hại về người, mà còn tăng trưởng nhanh hơn trong giai đoạn hậu dịch.

Sử dụng nguồn lực tài khóa để trực tiếp ổn định đời sống của người dân

Tác động của dịch bệnh và các biện pháp chống dịch là sự đình trệ trong sản xuất và sinh hoạt của người dân. Do vậy, một số quốc gia sử dụng hình thức hỗ trợ trực tiếp bằng tiền trong giai đoạn cao điểm chống dịch để giúp người dân đảm bảo những nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt. Ngoài ra, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ duy trì khả năng thanh toán, hỗ trợ trả lương cho người lao động trong khoảng thời gian ngưng việc cũng được nhiều nước áp dụng.

Các nước đang phát triển gặp phải nhiều giới hạn trong lựa chọn chính sách

Với quy mô kinh tế nhỏ và nguồn lực tài khóa hạn hẹp, các quốc gia đang phát triển khó có thể triển khai sâu rộng chính sách hỗ trợ người lao động, các doanh nghiệp nhỏ chịu ảnh hưởng từ đại dịch. Ngoài ra, những người lao động nằm ngoài vùng phủ của bảo hiểm thất nghiệp, vốn chiếm tỷ lệ lớn tại các quốc gia này, sẽ khó có thể nhận được sự hỗ trợ hiệu quả. Trong tình huống khẩn cấp, sự vận hành của các ngân hàng thực phẩm có thể xem là một giải pháp giảm nhẹ thích hợp.

Chính sách tiền tệ là công cụ hỗ trợ, ngăn ngừa đổ vỡ tài chính trong ngắn hạn

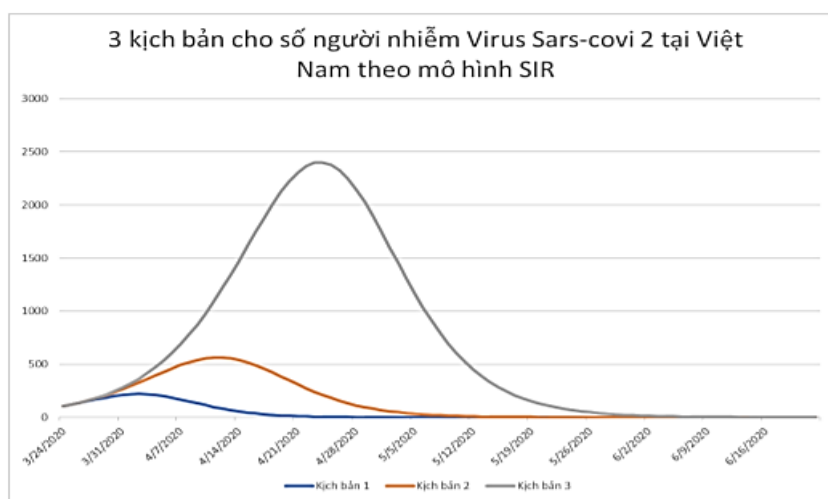
Chính sách tiền tệ với đặc điểm là có độ trễ lớn, do đó sẽ chỉ phát huy tác dụng kích thích kinh tế khi quốc gia bắt đầu kiểm soát được dịch, bắt đầu quá trình hồi phục. Vì thế, trong giai đoạn hiện nay vai trò chủ yếu của chính sách tiền tệ là đảm bảo hệ thống tài chính vận hành thông suốt, duy trì khả năng thanh khoản của các tổ chức tài chính, hỗ trợ khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

3. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

3.1. Các kịch bản đại dịch COVID-19 tại Việt Nam

Nếu chỉ căn cứ trên các số liệu căn bản về số lượng ca nhiễm, số lượng người phải cách ly ở Việt Nam trong thời gian đến ngày 27/03, chúng tôi sử dụng 3 mô hình định lượng nhằm xây dựng các kịch bản về tình hình dịch số lượng ca nhiễm của Việt Nam trong thời gian tới – ARIMA, EWMV và SIR. Kết quả từ các mô hình cho thấy các kịch bản từ thấp đến cao (các kịch bản 1, 2 và 3 trong Hình 3) tương ứng với thời gian đại dịch COVID-19 kéo dài đến hết cuối tháng 4; cuối tháng 5 và cuối tháng 6 năm 2020.

Hình 3. Dự báo các kịch bản dịch tại Việt Nam



Nguồn: Dự báo của nhóm nghiên cứu ĐHKQTĐ

3.2. Tác động đến tăng trưởng và một số lĩnh vực của nền kinh tế

Cho đến nay đã có một số tổ chức nghiên cứu trong và ngoài nước dự báo về tác động của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên các dự báo này đều dựa trên tình hình dịch từ đầu tháng 03 trở về trước khi mà Châu Âu và Mỹ chưa chịu tác động nặng nề như hiện nay.

Bloomberg dự báo tăng trưởng của Việt Nam giảm 0,4 % (số liệu đến tháng 02), ADB cho rằng tăng trưởng giảm 0,5 – 1% và kịch bản xấu có thể giảm đến 1,5% (Báo cáo ngày 10/03). Bộ KH & ĐT dự báo tăng trưởng có thể giảm từ 0,67 đến 0,96%, lạm phát trong khoảng 3,96% - 4,86%, xuất khẩu giảm 21%, nhập khẩu giảm 16%, ngành nông nghiệp giảm 0,11%; ngành công nghiệp giảm 0,24%; ngành dịch vụ giảm 0,32% (Báo cáo ngày 04/02 và 10/02). Ngân hàng Nhà nước dự báo lạm phát của Việt Nam thay đổi trong khoảng 4,5% +/- 0,4% (Báo cáo ngày 12/03). Nhóm nghiên cứu thực hiện Ấn phẩm *Đánh*

giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2019 của ĐHKQTĐ dự báo tăng trưởng giảm từ 0,6 đến 0,8% (số liệu đến ngày 07/03). Trong báo cáo gần nhất (ngày 31/03/2020), World Bank dự báo rằng kinh tế Việt Nam năm 2020 là khoảng 1,5% đến 4,9% tùy kịch bản. Tuy nhiên tăng trưởng sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021.

Chúng tôi cho rằng với sự thay đổi của tâm dịch từ phía Trung Quốc sang các nước Châu Âu, Mỹ và lan rộng sang các khu vực khác, tác động đến nền kinh tế Việt Nam sẽ mạnh hơn và thay đổi về cơ chế tác động từ phía đứt gãy nguồn cung ứng đầu vào sang chủ yếu là phía cầu.

Dựa trên cơ sở các kịch bản về số ca nhiễm và cách ly tại Việt Nam, chúng tôi tiến hành xây dựng một số mô hình định lượng nhằm dự báo sơ bộ tác động của đại dịch đến nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn sắp tới. Kết quả dự báo của các mô hình này cho thấy:

(i) Tăng trưởng GDP quý 2 của Việt Nam khoảng 2,0 % so với cùng kỳ và thậm chí suy thoái nếu xảy ra kịch bản xấu. Dự kiến phục hồi từ quý 3 năm 2020.

(ii) Vnindex giảm khoảng 28% phục hồi ngay sau khi dịch được khống chế với mức xấp xỉ 20%.

(iii) Xuất khẩu giảm khoảng 25% trong quý 2 và phục hồi về mức giảm 15% trong các quý sau của năm 2020.

Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng dự báo tác động của dịch COVID-19 đến một số lĩnh vực của nền kinh tế với kịch bản thuận lợi nhất (Kịch bản 1 - dịch kéo dài đến hết tháng 4/2020) và kịch bản xấu nhất (Kịch bản 3 - dịch kéo dài đến hết tháng 6/2020). Kết quả được trình bày tại Bảng 2.

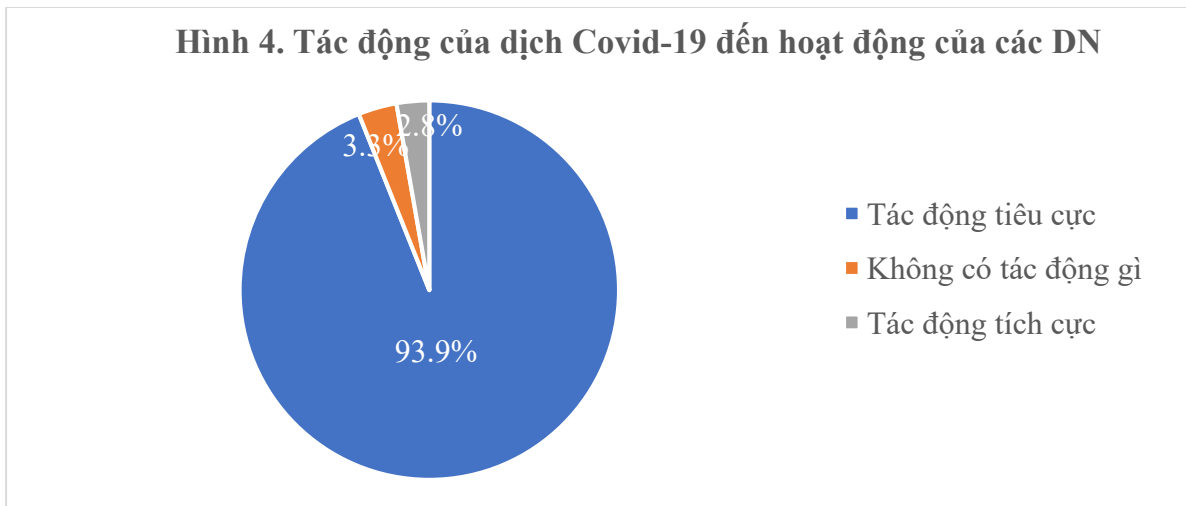
Bảng 2. Dự báo tác động của dịch COVID-19 đến một số lĩnh vực

TT	Lĩnh vực	Kịch bản dịch kéo dài đến hết tháng 4/2020)	Kịch bản dịch kéo dài đến hết tháng 6/2020
1	Thương mại hàng hóa	Suy giảm 20-30%	Suy giảm 30-40%
	Xuất nhập khẩu	Suy giảm 5-8%	Suy giảm 25%
	Thương mại nội địa	Suy giảm 15%, trong đó TM truyền thống giảm 20%, TMĐT tăng 10%	Suy giảm 30%
2	Thương mại dịch vụ	Chuyển hóa mạnh, tăng dịch vụ y tế, dịch vụ thiết yếu trên 25%, giảm dịch vụ phụ trợ 20-35%	Tăng dịch vụ y tế, dịch vụ thiết yếu trên 25-40%, giảm dịch vụ phụ trợ 20-40%
	Dịch vụ vận tải, logistics	Suy giảm 20%	Suy giảm 20-30%
	Dịch vụ y tế	Tăng 25%, các địa phương vẫn đủ nguồn lực đáp ứng được nhu cầu	Tăng 25-60%, thiếu cục bộ ở các vùng dịch và phải điều động giữa các vùng, miền
	Dịch vụ giáo dục	Suy giảm 35%, chuyển đổi học qua mạng.	Suy giảm 35-65%, tái cơ cấu lao động ngành.
3	Du lịch, khách sạn	Suy giảm 15-20% khách nội địa và quốc tế, doanh thu giảm 20%, việc làm giảm 15-20%	Suy giảm 30-40% khách nội địa và quốc tế, doanh thu giảm 40% và việc làm giảm 30-40%
4	Nông nghiệp	Suy giảm từ 2,8-27,4% theo từng mặt hàng	Giảm mức trung bình cao
5	Bất động sản	Suy giảm mảng cho thuê, nghỉ dưỡng	Suy giảm nguồn cung do thiếu nguyên vật liệu, tài chính...

3.3. Tác động đến khu vực doanh nghiệp

Bên cạnh các số liệu thống kê chính thức, để có thể thấy rõ hơn tác động của đại dịch COVID-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến của 510 doanh nghiệp (tính đến ngày 01/04/2020). Mẫu doanh nghiệp này bao gồm 92,6% doanh nghiệp ngoài NN, 6,08% doanh nghiệp FDI và 1,76% DNNN. Trong đó các doanh nghiệp thuộc ngành dịch vụ chiếm 65,1%, công nghiệp và xây dựng 29,8% và nông nghiệp 5,1%. 69,3% các doanh nghiệp tại Hà Nội, 12,2% tại TP. Hồ Chí Minh và 18,5% tại các địa phương khác. Trong số này có 61,56% doanh nghiệp có quy mô lao động dưới 50 người và 82,74% doanh nghiệp dưới 200 người.

Hình 4. Tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động của các DN



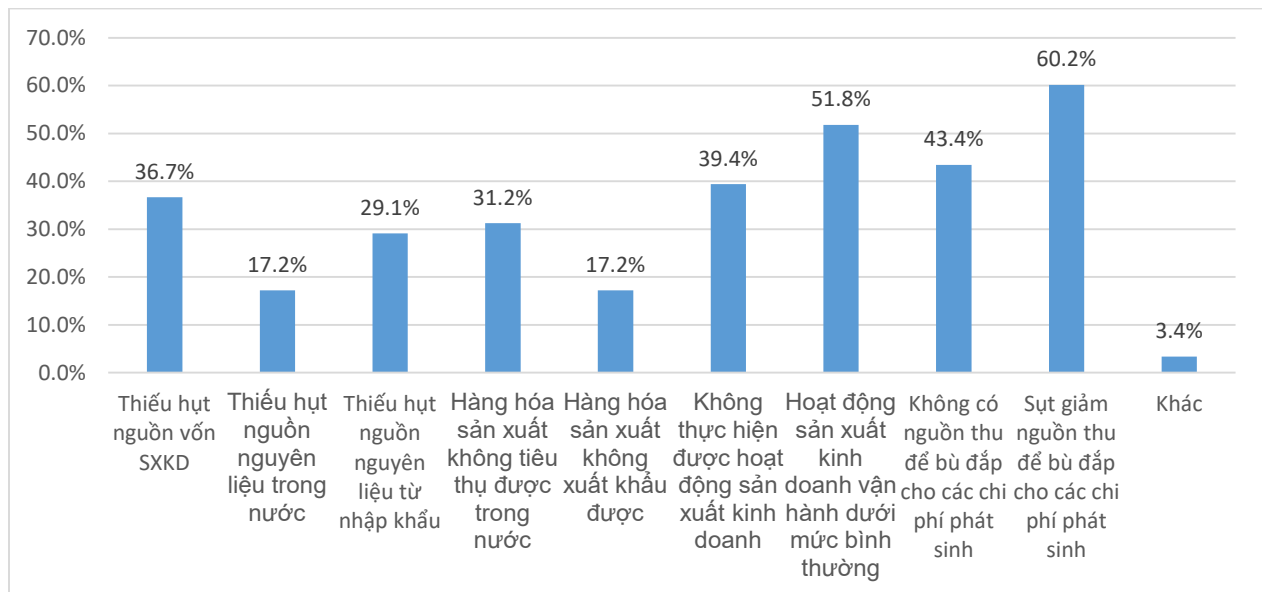
Nguồn: Kết quả khảo sát của ĐHKQTĐ

Kết quả nghiên cứu số liệu báo cáo của các cơ quan quản lý Nhà nước và kết quả khảo sát doanh nghiệp của ĐH KTQĐ cho thấy, cho đến thời điểm hiện tại, tác động của COVID-19 đến khu vực doanh nghiệp đã bắt đầu bộc lộ một cách rõ ràng trong tất cả các ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp. Kết quả khảo sát cho thấy có đến 93,9% các doanh nghiệp điều tra đánh giá dịch Covid-19 có tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của họ (xem hình 4).

Các tác động này thể hiện rõ nhất ở các khía cạnh:

(1) Kết quả sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng nghiêm trọng

Hình 5. Các khó khăn doanh nghiệp gặp phải do ảnh hưởng của dịch Covid-19

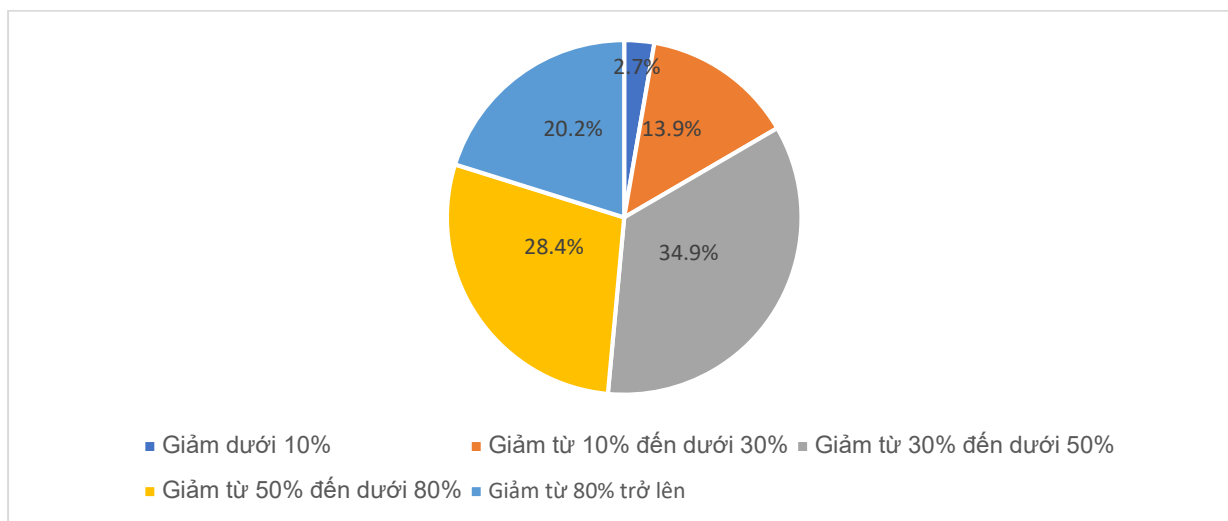


Nguồn: Kết quả khảo sát của ĐHKQTĐ

Dịch bệnh đã làm cho các doanh nghiệp cùng một lúc phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Với các doanh nghiệp chịu tác động tiêu cực của dịch bệnh, khảo sát đã đề nghị các doanh nghiệp đưa ra 5 khó khăn lớn nhất mà họ đang gặp phải. Kết quả cho thấy, nhiều doanh nghiệp đang phải đối mặt với việc sụt giảm nguồn thu để bù đắp cho các chi phí khác (60,2% doanh nghiệp chịu tác động tiêu cực lựa chọn); hay hoạt động sản xuất kinh doanh vận hành dưới mức bình thường (51,8% doanh nghiệp lựa chọn). Bên cạnh đó, 43,4% doanh nghiệp trong số này gặp khó do không có nguồn thu; 39,4% không thực hiện được hoạt động sản xuất kinh doanh, chẳng hạn, phải đóng cửa trường học, cơ sở sản xuất kinh doanh theo qui định để phòng chống dịch. Ngoài ra, 31,2% doanh nghiệp trả lời do hàng hóa sản xuất không tiêu thụ được trong nước; 17,20% không xuất khẩu được. Các vấn đề về thiếu hụt vốn (36,7% doanh nghiệp lựa chọn), thiếu hụt nguyên liệu sản xuất cũng là một khó khăn lớn, đặc biệt nguồn nguyên liệu từ nhập khẩu (29,1% doanh nghiệp lựa chọn) (xem hình 5).

Sụt giảm doanh thu đang là khó khăn lớn nhất mà nhiều doanh nghiệp gặp phải trong thời kỳ dịch bệnh. Cụ thể, 20,2% doanh nghiệp chịu ảnh hưởng tiêu cực cho rằng doanh thu của doanh nghiệp mình sụt giảm từ 80% trở lên; 28,4% doanh nghiệp bị sụt giảm từ 50% đến 80% doanh thu; 34,9% sụt giảm từ 30% đến 50%; 13,9% sụt giảm từ 10% đến 30%; và chỉ có 2,7% doanh nghiệp bị sụt giảm dưới 10% doanh thu (xem hình 6).

Hình 6. Ước tính của các DN về giảm sút doanh thu do ảnh hưởng của Covid-19.

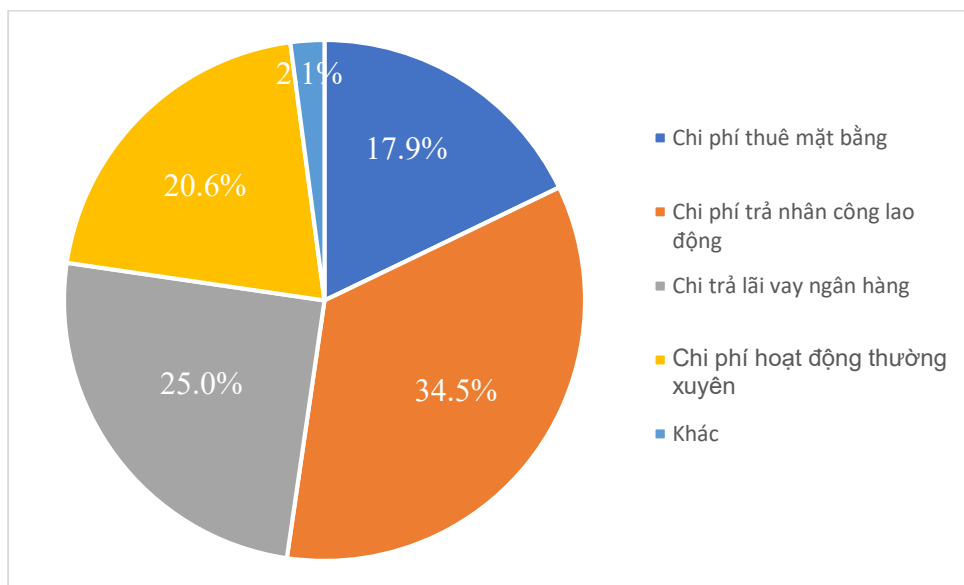


Nguồn: Kết quả khảo sát của ĐHKQTĐ

Trong khi doanh thu bị sụt giảm nặng nề, các doanh nghiệp vẫn phải gánh chịu nhiều khoản chi phí lớn. Kết quả khảo sát cho thấy, chi phí nhân công lao động đang là gánh nặng lớn nhất của 34,5% doanh nghiệp dưới tác động của dịch Covid-19. Tiếp theo là

khoản chi trả lãi vay ngân hàng (25,0%), chi phí hoạt động thường xuyên (20,6%), chi phí thuê mặt bằng (17,9%) (xem hình 7).

Hình 7. Gánh nặng lớn nhất của doanh nghiệp dưới tác động của dịch Covid-19



Nguồn: Kết quả khảo sát của ĐHKQTĐ

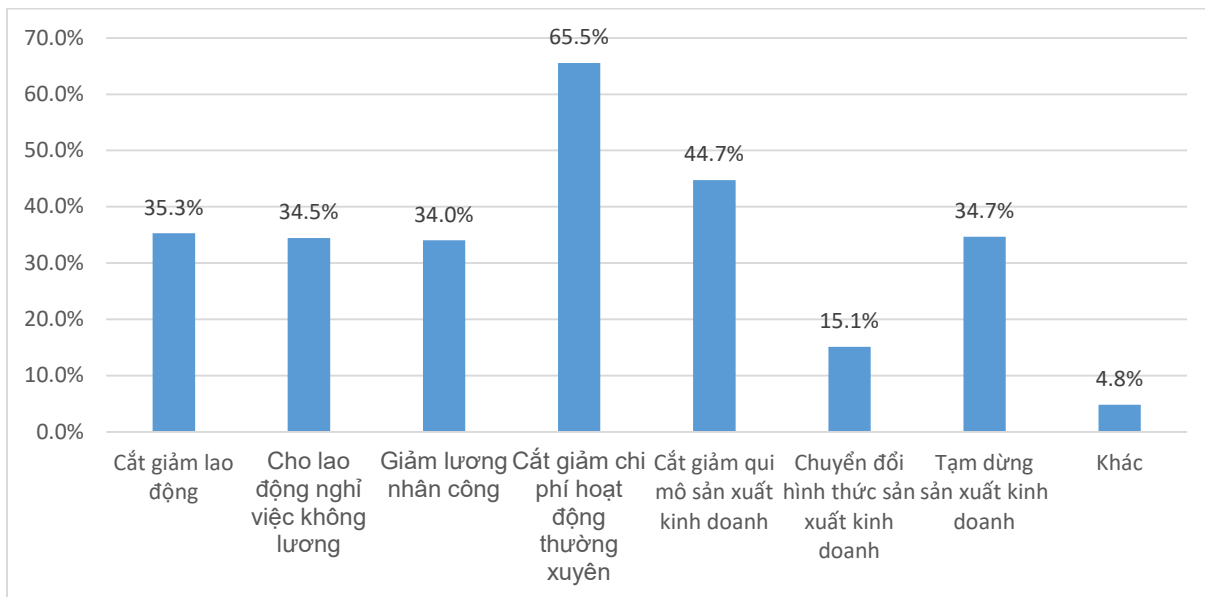
(2) Số lượng, quy mô doanh nghiệp suy giảm cùng với đó là lao động mất việc làm và thất nghiệp gia tăng

Trong 2 tháng đầu năm có 16.151 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 19,5% so với cùng kỳ. 2.807 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Đây là tháng đầu tiên hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ghi nhận những tác động của dịch COVID-19. Quy mô sản xuất của các doanh nghiệp cũng bị thu hẹp. Tính đến 20/03/2020, đã có trên 15% số doanh nghiệp phải cắt giảm quy mô sản xuất (tháng 02/2020 là 10%).

Nếu ước tính số lao động bình quân 1 doanh nghiệp khoảng 25 người thì trong 2 tháng đã có khoảng 400 nghìn lao động bị ảnh hưởng do các doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh. Ước tính số lao động bị giảm giờ làm hoặc mất việc làm khoảng 440.000-880.000 người. Nếu dịch bùng phát, số lao động bị giảm giờ làm hoặc bị mất việc làm khoảng 880.000-1,32 triệu người. Thống kê trong tháng 2/2020 đã cho thấy, số người thất nghiệp nộp hồ sơ hưởng BHTN là trên 47.000 người, tăng 60% so với tháng 01/2020 và tăng 70% so với cùng kỳ năm ngoái (gần 28.000 người).

Kết quả từ cuộc khảo sát của ĐH KTQD cho thấy, để đối phó với những khó khăn do tác động của đại dịch, các doanh nghiệp đã có các giải pháp cụ thể. 65,5% doanh nghiệp thực hiện cắt giảm chi phí hoạt động thường xuyên; 35,3% doanh nghiệp phải cắt giảm lao động; 34,0% phải cắt giảm lương nhân công lao động và 34,5% doanh nghiệp đã phải cho lao động nghỉ việc không lương; 44,7% doanh nghiệp cắt giảm qui mô sản xuất kinh doanh; 34,7% các doanh nghiệp lựa chọn tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh để chờ qua thời kỳ khó khăn và 15,1% doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi hình thức sản xuất kinh doanh cho phù hợp với bối cảnh mới (xem hình 8).

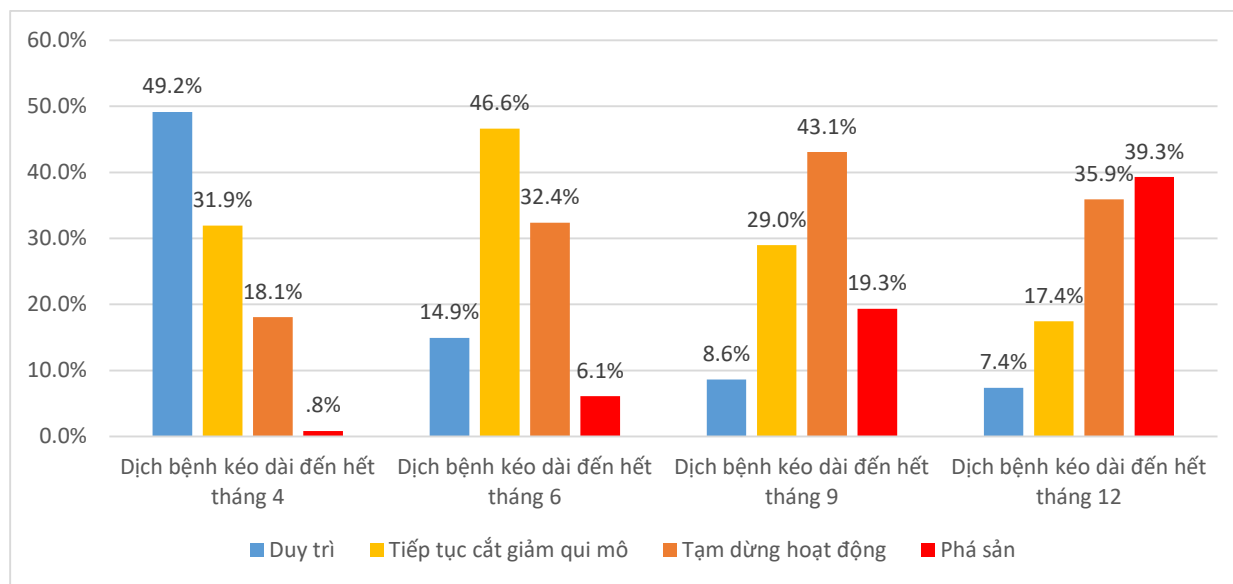
Hình 8. Các giải pháp doanh nghiệp ứng phó với ảnh hưởng của dịch bệnh.



Nguồn: Kết quả khảo sát của ĐHKTQD

Mặc dù các doanh nghiệp đã có nhiều hành động nhằm đối phó với ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19 nhưng nếu dịch bệnh tiếp tục lan rộng và kéo dài, nhiều nguy cơ xấu có thể xảy ra. Theo đánh giá của các doanh nghiệp, dịch bệnh càng kéo dài, khả năng phá sản của các doanh nghiệp càng cao. Cụ thể, nếu dịch Covid-19 kéo dài đến hết tháng 4/2020, 49,2% doanh nghiệp vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh; 31,9% cắt giảm qui mô sản xuất; có 18,1% phải tạm dừng hoạt động; và 0,8% có khả năng phá sản. Tuy nhiên, nếu dịch kéo dài đến hết tháng 6/2020, tình hình sẽ trở nên tồi tệ hơn khi chỉ còn 14,9% doanh nghiệp duy trì được hoạt động; 46,6% doanh nghiệp tiếp tục cắt giảm qui mô; 32,4% sẽ tạm dừng hoạt động và 6,1% doanh nghiệp đứng trên bờ vực phá sản. Tỷ lệ doanh nghiệp có khả năng phá sản sẽ tăng cao, đến mức 19,3% nếu dịch kéo dài đến hết tháng 9/2020 và 39,3% nếu dịch kéo dài đến hết năm nay (xem Hình 9).

Hình 9. Phản ứng của các doanh nghiệp với các kịch bản dịch Covid-19



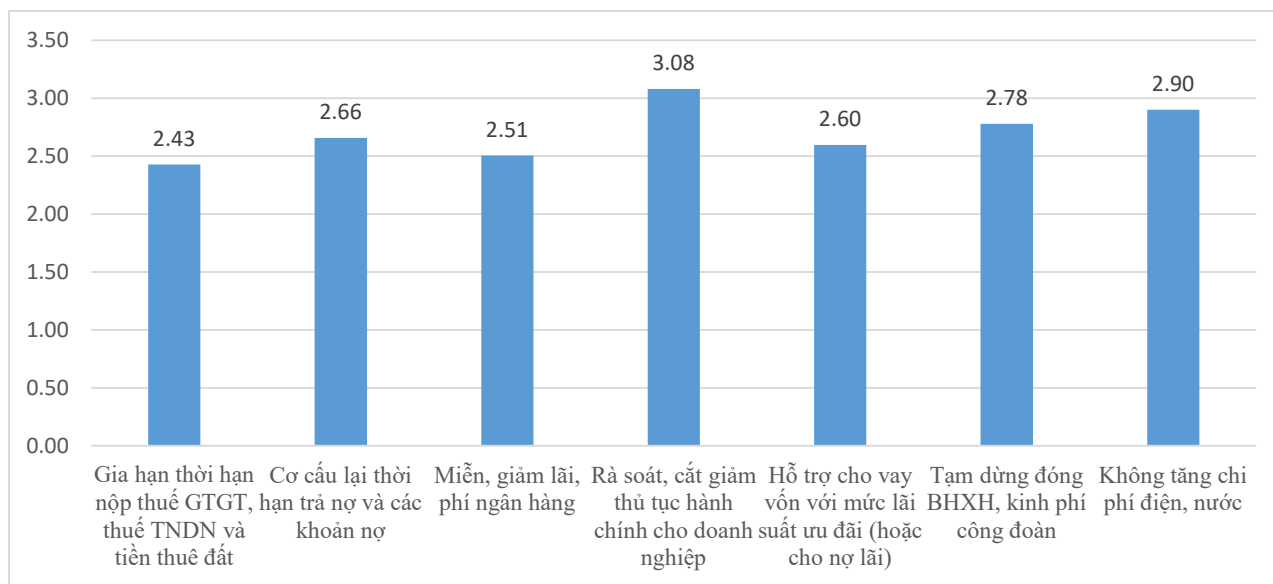
Nguồn: Kết quả khảo sát của ĐHKQTĐ

Phản hồi của các doanh nghiệp về tầm quan trọng của các chính sách hỗ trợ

Trong nỗ lực giải cứu các doanh nghiệp và người lao động khỏi những tác động tiêu cực của dịch bệnh, ngày 4/3/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Trên tinh thần Chỉ thị trên, các Bộ, ban, ngành đã khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo cụ thể trong từng lĩnh vực mà mình phụ trách. Cho đến cuối tháng 3/2020, nhiều chính sách hỗ trợ đã được ban hành. Trong thời gian tới, một số dự thảo Nghị định, đề án... sẽ sớm được thông qua và có hiệu lực. Trên cơ sở tổng hợp các giải pháp, chính sách mà Chính phủ đã và sẽ ban hành, chúng tôi đã đề nghị các doanh nghiệp xếp hạng mức độ cần thiết của từng chính sách nhằm khắc phục những khó khăn do dịch Covid-19 gây ra (với 1 là cần thiết nhất).

Các chính sách được các doanh nghiệp đánh giá cao là cần thiết tiếp theo lần lượt là miễn, giảm lãi phí ngân hàng (2.51 điểm); hỗ trợ cho vay vốn với mức lãi suất ưu đãi (2,6 điểm); và cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các khoản nợ (2,66 điểm). Trong bối cảnh nguồn thu sụt giảm, nguồn vốn sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, các chính sách hỗ trợ cho vay vốn với mức lãi suất ưu đãi là rất cần thiết nhằm giúp cho các doanh nghiệp duy trì và khôi phục sản xuất kinh doanh. Dưới sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, hiện tại, nhiều ngân hàng thương mại đã thông báo giảm lãi suất cho vay tối đa 2,5%/năm so với biểu lãi suất thông thường, nhất là với những lĩnh vực thiết yếu của nền kinh tế.

Hình 10. Phản hồi của DN về các giải pháp hỗ trợ quan trọng nhất



Nguồn: Kết quả khảo sát của ĐHKQTĐ

Các chính sách còn lại, bao gồm: tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn (2,78 điểm), không tăng chi phí điện, nước (2,9 điểm) và rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp (3,08 điểm). Đây cũng là những chính sách rất cần thiết giúp giảm chi phí hoạt động của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong khắc phục những hậu quả do dịch Covid-19 gây ra.

Nhìn chung, các chính sách ở trên đều được các doanh nghiệp đánh giá cao vì điểm trung bình về mức độ cần thiết của từng chính sách đều thấp hơn mức trung bình chung là 3,5. Tuy nhiên, dường như chưa có chính sách nào vượt trội hơn cả nhằm đáp ứng nhu cầu của số đông doanh nghiệp do không có chính sách nào đạt số điểm trung bình dưới 2.

Đề xuất hỗ trợ bổ sung của các doanh nghiệp

Khảo sát của chúng tôi về ý kiến của các doanh nghiệp về các giải pháp hỗ trợ bổ sung khác cho thấy bên cạnh các giải pháp đã tổng kết ở trên, các doanh nghiệp đề xuất tập trung một số nội dung sau:

- + Tập trung việc nhanh chóng kiểm soát dịch bệnh
- + Giảm thuế, miễn thuế, chi phí thuê mặt bằng thay vì chỉ là giãn, tạm hoãn
- + Nhanh chóng triển khai các chính sách hỗ trợ đã ban hành
- + Có giải pháp bình ổn giá nguyên vật liệu
- + Giảm giá các đầu vào thiết yếu cho doanh nghiệp như điện, xăng dầu

- + Tạm dừng thu phí cơ sở hạ tầng
- + Ngừng các hoạt động thanh tra kiểm tra trong thời gian này
- + Ôn định lạm phát

4. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH VÀ CÁC GIẢI PHÁP

4.1. Quan điểm và định hướng chính sách

Quan điểm

Thứ nhất, kinh tế Việt Nam đang đứng trước một đợt suy giảm lớn xuất phát từ một nguyên nhân phi kinh tế. Trong bối cảnh này, các chính sách điều hành vĩ mô có ảnh hưởng quan trọng tới sức đề kháng (khả năng chịu đựng) của nền kinh tế, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dịch bệnh. Đặc biệt, chúng sẽ quyết định nền kinh tế có khả năng phục hồi nhanh chóng hay không một khi bệnh dịch được kiểm soát.

Thứ hai, tác động của dịch bệnh tới các ngành kinh tế có sự khác biệt rất lớn. Một số ngành chịu ảnh hưởng nặng nề, các doanh nghiệp có khả năng phá sản hàng loạt (hàng không, du lịch, dịch vụ). Một số ngành vẫn có cơ hội phát triển tốt (nông sản, thực phẩm, dược phẩm, ...). Do vậy, cần có sự lựa chọn hợp lý các chính sách cũng như đối tượng hỗ trợ.

Thứ ba, việc kích thích tổng cầu trong bối cảnh hiện nay hầu như không có tác dụng trong ngắn hạn bởi sức mua ở những ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp sẽ không thể tăng một khi bệnh dịch chưa được kiểm soát.

Thứ tư, tính chất của đại dịch COVID-19 lần này cho thấy việc dự báo tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam diễn ra trong thời gian bao lâu là rất khó. Mức độ kết nối rất lớn của Việt Nam với chuỗi giá trị toàn cầu và các biện pháp cách ly xã hội do các nước áp dụng dẫn đến việc đại dịch nếu được kiểm soát ở Việt Nam cũng không thể làm cho nền kinh tế phục hồi ngay nếu nó vẫn tiếp diễn ở các quốc gia khác. Điều này đòi hỏi phải xây dựng nhiều kịch bản chính sách kinh tế khác nhau từ ngắn đến dài hạn nhằm ứng phó với tình hình dịch ở cả Việt Nam và ở các quốc gia khác trên thế giới.

Định hướng chính sách

Chúng tôi cho rằng việc ban hành các chính sách trong bối cảnh này cần đảm bảo các định hướng sau:

+ Ưu tiên chính sách nên hướng vào việc đảm bảo an ninh lương thực và phòng chống sự lây lan của bệnh dịch.

+ Các chính sách nhằm vào việc cải thiện khả năng thanh khoản, kéo dài khả năng chống đỡ của doanh nghiệp và đảm bảo an sinh xã hội. Đặc biệt quan tâm đến những khu vực dễ bị tổn thương như người lao động, các DNNVV trong ngắn hạn (đặc biệt tại những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất) nhưng đồng thời cũng cần tránh sự đổ vỡ của các doanh nghiệp lớn, đầu tàu để từ đó lan sang các khu vực khác.

+ Các chính sách kích thích tổng cầu chủ yếu thông qua tăng đầu tư của nhà nước vào cơ sở hạ tầng. Tránh việc lạm dụng chính sách tiền tệ gây ra các bất ổn kinh tế vĩ mô trong dài hạn.

+ Hình thành rõ các gói chính sách hỗ trợ trong ngắn hạn và các gói chính sách giải cứu nền kinh tế trong dài hạn.

Các định hướng này có thể cụ thể hóa như sau:

(1) Trong mọi trường hợp Việt Nam cần phải đảm an ninh lương thực, thực phẩm và các hàng hóa thiết yếu cho người dân. Mặc dù đây là những ngành ít chịu ảnh hưởng nhất nhưng các doanh nghiệp cung ứng các hàng hóa này cần phải được giám sát chặt chẽ và có biện pháp hỗ trợ cần thiết nếu cần để tránh không xảy ra đứt gãy trong sản xuất và cung ứng. Đây cần được coi là giải pháp cấp bách tại thời điểm này.

Bên cạnh đó, việc gia tăng sản xuất và cung ứng các thiết bị y tế như khẩu trang, máy trợ thở, thuốc men hay giường bệnh cũng cần được ưu tiên trong công tác phòng chống dịch bệnh.

(2) Việt Nam cần chủ động xây dựng các kịch bản chính sách kinh tế ứng phó khác nhau tùy theo thời gian kéo dài và mức độ nghiêm trọng của bệnh dịch. Các giải pháp chính sách đưa ra cần tính đến độ trễ trong quá trình ban hành và triển khai để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả.

Nếu bệnh dịch trong nước có thể kiểm soát ngay trong tháng 4 hoặc cùng lắm đến hết quý 2 thì phản ứng chính sách nên mang tính “hỗ trợ”.

Những chính sách hỗ trợ:

+ Đối với những người lao động mất việc kéo dài, có thể tạm thời kéo dài thời gian hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Các hộ gia đình mất thu nhập lâu dài không có khả năng thích

ứng cần được trợ cấp đủ để duy trì cuộc sống tối thiểu. Cần đặc biệt quan tâm đến đối tượng lao động tự do không thuộc diện bao phủ của bảo hiểm.

+ Đối với doanh nghiệp trực tiếp chịu ảnh hưởng: i) Tiền tệ: nới lỏng các điều kiện tín dụng, hoãn chi trả nợ, miễn lãi, giảm lãi, cho phép tái cơ cấu lại nợ để cải thiện tính thanh khoản và khả năng chịu đựng của doanh nghiệp cho tới khi qua được khó khăn; ii) Tài khóa: hoãn thuế phí, miễn giảm thuế phí, hoãn hoặc miễn đóng BHXH, v.v. Giai đoạn này nên ưu tiên các DNNVV bởi khả năng chống chịu kém của loại hình DN này.

+ Có những hỗ trợ pháp lý trong tranh chấp đối với hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp và người lao động. Tranh chấp hợp đồng giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp đối tác trong xuất nhập khẩu hàng hóa.

Nếu bệnh dịch kéo dài hơn (đến quý 3 hoặc hết năm 2020), Chính phủ cần tính tới các biện pháp thiệp mạnh mẽ hơn mang tính “giải cứu”.

Những chính sách giải cứu:

+ Tập trung không chỉ vào khả năng thanh khoản mà còn là khả năng thanh toán (tồn tại hay phá sản) của các doanh nghiệp. Ngân hàng Nhà nước cần sẵn sàng bơm thêm thanh khoản cho hệ thống ngân hàng. Lãi suất có thể cắt giảm thêm 1 – 2 điểm phần trăm.

+ Khi các chính sách tiền tệ hay tài khóa truyền thống không đủ hỗ trợ khả năng thanh toán của doanh nghiệp thì cần có các can thiệp tài khóa trực tiếp từ chính phủ như mua lại nợ, tăng sở hữu vốn nhà nước... ở một số lĩnh vực đặc biệt quan trọng. Cần tránh tối đa sự đổ vỡ của các tập đoàn lớn.

+ Cầu chi tiêu từ khu vực doanh nghiệp và người dân giảm mạnh, Nhà nước cần đóng vai trò là đối tượng chi tiêu chính. Do vậy, đầu tư công đóng vai trò quan trọng hơn bao giờ hết. Đầu tư công phải đúng mục đích, tập trung vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng đã được phê duyệt và cần đúng thời điểm mà nền kinh tế cần. Cần có sự giám sát chặt chẽ của Quốc hội để tránh xảy ra những hệ lụy tiêu cực.

+ Bất kể bệnh dịch kéo dài bao lâu, nhiều doanh nghiệp có thể sẽ phá sản, Việt Nam cần đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô. Cần giữ lạm phát và lãi suất ở mức thấp, tỷ giá ổn định, đầu tư công được thực hiện đúng mục đích và giám sát tốt, môi trường đầu tư được cải thiện, thì sau bệnh dịch, nền kinh tế sẽ hồi phục nhanh chóng. Ngược lại sẽ mất nhiều năm tiếp theo để giải quyết các vấn đề không phải bệnh dịch, nền kinh tế sẽ đình trệ trong thời gian dài như giai đoạn hậu khủng hoảng 2007 – 2008.

4.2. Kiến nghị một số giải pháp cụ thể

Nhóm giải pháp của Ngân hàng Nhà nước và các Tổ chức tín dụng

Giải pháp 1. NHNN Trợ giúp trực tiếp về thanh khoản cho những ngân hàng có hỗ trợ thiết thực và cụ thể đối với doanh nghiệp gặp khó khăn, thông qua đó trợ giúp thanh khoản cho hệ thống doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV bị ảnh hưởng bởi đại dịch

Xem xét tiếp tục hạ lãi suất điều hành thêm từ 0,1 - 0,2% trong 1-2 tháng tới, hoặc xem xét tăng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng, nhưng chỉ áp dụng cho những ngân hàng có những hỗ trợ thiết thực đối với các doanh nghiệp. Nên ưu tiên tiếp tục thực hiện những cải cách mang tính cấu trúc nhằm hướng tới một hệ thống tiền tệ lành mạnh hơn trong tương lai, chứ không áp dụng dàn trải cho mọi tổ chức tín dụng. Những “hỗ trợ” về lãi suất, nếu có, chỉ nên giới hạn ở những doanh nghiệp trực tiếp chịu tác động của bệnh dịch theo hướng “giảm lãi” hay “chia sẻ khó khăn” từ ngành ngân hàng, chứ không phải tăng mở rộng tiền tệ hay tín dụng vào nền kinh tế. Cho phép các tổ chức tín dụng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ nhưng giữ nguyên nhóm nợ đối với các doanh nghiệp tốt, có tiềm năng nhưng bị ảnh hưởng trực tiếp của dịch COVID-19.

Giải pháp 2. Bổ sung thêm danh mục thứ 6 về các đối tượng được hưởng ưu tiên về lãi suất trần trong điều 13, khoản 2, Thông tư 39/2016/TT-NHNN về Quy định hoạt động cho vay của TCTD: “Phục vụ lĩnh vực bị ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch hoặc biến đổi khí hậu”

Giải pháp được xuất phát từ các lý do cơ bản sau: (i) Xu hướng dịch bệnh và biến đổi khí hậu ngày càng mang tính chất quốc tế. Độ mở của nền kinh tế Việt Nam cũng khiến cho đại dịch trên thế giới như COVID-19 dễ dàng lan đến Việt Nam và ảnh hưởng nghiêm trọng tới các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức trong nền kinh tế; (ii) Hiện tại, 5 lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam chưa có nội dung hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức nằm trong lĩnh vực này. (iii) Lãi suất trần có hiệu quả ngắn hạn và tác động trực tiếp nhất định trong một số trường hợp tại Việt Nam. Đây là một trong những công cụ tác động trực tiếp tới thị trường tín dụng, nhưng cũng cho phép các tổ chức tín dụng có sự linh hoạt nhất định và vai trò chủ động khi áp dụng quy định này.

Giải pháp 3. NHNN tăng cường các biện pháp ổn định tỷ giá hối đoái trong ngắn hạn
Thứ nhất, cung cấp thanh khoản quốc tế trong phạm vi cho phép về nguồn lực trên thị trường ngoại hối nội địa, nhằm mục tiêu ổn định tài chính.

Thứ hai, sử dụng quyền tiếp cận đối với các nguồn vốn quốc tế để gia tăng dự trữ ngoại hối quốc gia, nhằm mục cung cấp vốn xử lý đình trệ và hướng tới thúc đẩy tăng trưởng sau dịch bệnh.

Thứ ba, với kịch bản xấu hơn của nền kinh tế, đình trệ kéo dài từ 2 quý trở lên có thể: i) tính toán đến phương án phát hành trái phiếu của ngân hàng trung ương để hỗ trợ thanh khoản nội địa và quốc tế của Việt Nam, ii) lên kịch bản cho nền kinh tế vĩ mô nếu mất giá của đồng tiền rơi vào 3 mức 1-3%, 3-5%, và 5-7% để có các phương án thích hợp với chính sách tiền tệ của mình, và cực đoan nhất iii) chuẩn bị phương án “ngắt mạch” thị trường ngoại hối, cụ thể là sử dụng biện pháp hành chính liên quan đến các giao dịch vãng lai để chỉ cung cấp dịch vụ ngoại hối cho các hoạt động liên quan đến y tế, kinh doanh.

Giải pháp 4. Các TCTD tận dụng cơ hội để phát triển thị trường, sản phẩm, kênh phân phối mới

Thứ nhất, phát triển ngay các gói sản phẩm ngân hàng chuyên biệt cho nhóm khách hàng là doanh nghiệp trong các ngành đang có các lợi thế kinh doanh tương đối trong đại dịch COVID-19 như: kinh doanh online, thực phẩm, đồ dùng thiết yếu, khẩu trang, nước rửa tay, máy đo thân nhiệt. Cung cấp một gói các sản phẩm cho nhóm khách hàng này như: tín dụng hạn mức, L/C, thanh toán cho nhân viên, mở các kênh thanh toán cho khách hàng, bảo hiểm cho doanh nghiệp, bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp đó, quản lý hộ tiền,...

Thứ hai, phát triển các sản phẩm tín dụng ngắn hạn chuyên biệt hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chịu tác động của COVID-19 như tài trợ hàng tồn kho, cho vay hỗ trợ xuất khẩu nhanh. Cung cấp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt được doanh số tiêu thụ thông qua hoạt động hỗ trợ xuất khẩu, đồng thời hỗ trợ điều tiết thị trường thông qua kênh phân phối trong nước. Các doanh nghiệp có thể đăng ký hạn mức tín dụng hoặc kỳ hạn trước khi hoàn tất việc bán hàng xuất khẩu hoặc trong khi theo đuổi các cơ hội ở nước ngoài, chẳng hạn như xác định một khách hàng mới ở nước ngoài nếu việc bán hàng xuất khẩu bị mất do COVID-19.

Thứ ba, tăng cường phát triển thanh toán internet banking và mobile banking, đảm bảo an toàn cho các giao dịch này. Trước mắt, tăng cầu thanh toán bằng giảm phí hoặc miễn phí với các khách hàng hiện tại. Hướng dẫn cách sử dụng trên trang web hoặc qua tin nhắn cho khách hàng.

Thứ tư, tăng cường phát triển cho vay tiêu dùng với khách hàng cá nhân để kích cầu nền kinh tế. Cầu tiêu dùng của khách hàng cá nhân tăng là nguồn gốc cho sự phát triển sản xuất kinh doanh bền vững, phá vỡ được vòng luẩn quẩn của suy thoái kinh tế.

Thứ năm, quan tâm phát triển mảng thị trường khách hàng thu nhập thấp. Đây là thị phần khách hàng rất tiềm năng ở Việt Nam, trong điều kiện 69% dân số còn chưa có tài khoản thanh toán trong ngân hàng nhưng lại có số thuê bao di động và sử dụng internet lớn.

Thứ sáu, kiểm định lại tính hiệu quả của các chính sách đã xây dựng về quản trị rủi ro, trong đó có rủi ro hoạt động. Đây là cơ hội tốt để các tổ chức tín dụng đánh giá quy trình hoạt động và hệ thống nhân sự hiện tại có vận hành hiệu quả không, có chỗ nào có thể điều chỉnh để tối ưu hóa hơn không. Các tổ chức tín dụng cũng xác định được ai là nhân sự tốt, nhân sự nào có thể cắt giảm, từ đó tối ưu hóa được chi phí hoạt động. Ngoài ra, dịch bệnh còn là thời cơ giúp ban lãnh đạo nhìn nhận lại các chính sách đối phó với các loại rủi ro, chủ động điều chỉnh hoặc xây dựng lại các kịch bản có thể gặp phải, từ đó hình thành các phương án đối phó hiệu quả hơn

Thứ bảy, thử nghiệm sử dụng xác thực điện tử (e-KYC) trong giao dịch để khách hàng không phải đến phòng giao dịch hay chi nhánh trực tiếp.

Giải pháp 5. Các TCTD cần thống nhất và thông báo tới các doanh nghiệp “chuẩn chung” cho công cuộc “giải cứu” nếu không muốn bị lạm dụng và dòng vốn đi sai mục tiêu ban đầu

Các tổ chức tín dụng cần công bố cụ thể và minh bạch các tiêu chí, quy trình hỗ trợ để doanh nghiệp và thị trường cùng nắm bắt được. Sự hỗ trợ từ phía ngân hàng chia làm 2 phương án. Phương án thứ nhất là gói cho vay (gói hỗ trợ 250.000 tỉ đồng mà các ngân hàng cam kết giải ngân và các gói khác nếu có) để hỗ trợ thanh khoản cho các doanh nghiệp “sống sót” qua mùa dịch. Phương án thứ hai là “tân trang” các khoản nợ có nguy cơ “xấu” bởi COVID-19, để doanh nghiệp có thêm thời gian phục hồi, chẳng hạn như cơ cấu thời hạn trả nợ, giảm lãi, phí hay giữ nguyên nhóm nợ.

Nhóm giải pháp của Bộ Tài chính

Giải pháp 6. Giảm, miễn một số loại thuế (thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân) với quy mô hợp lý, đẩy mạnh xúc tiến triển khai dịch vụ thuế điện tử eTax

Thứ nhất, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì số thuế được giảm 50% tính trên số thuế còn lại sau khi đã trừ đi số thuế được ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Kéo dài thời gian chuyển lỗ từ 5 lên 8 năm, giãn thời gian nộp quyết toán thuế đến 30/6/2020. Các cá nhân và doanh nghiệp chung tay đóng góp ủng hộ từ thiện (bằng tiền và hiện vật) nhằm chống

dịch COVID-19 cho các tổ chức, đơn vị được nhà nước cho phép nhận từ thiện (theo quy định của Nghị định 64/2008/NĐ-CP) hoặc cho các bệnh viện (có chứng nhận của bệnh viện) sẽ được khấu trừ vào thu nhập tính thuế thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp. Với những doanh nghiệp trực tiếp tham gia sản xuất đồ bảo hộ (găng tay, quần áo bảo hộ), trang thiết bị phòng chống dịch COVID-19 nên cho phép doanh nghiệp được khấu trừ toàn bộ chi phí tài sản cố định (phát sinh khi mở rộng quy mô sản xuất) vào chi phí hợp lý để giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thứ hai, giảm 50% thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hàng hóa dịch vụ gặp khó khăn, giãn nộp thuế giá trị gia tăng trong 6 tháng, xem xét hoàn ngay thuế giá trị gia tăng đầu vào cho doanh nghiệp xuất khẩu trong 3 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Với dự án đầu tư thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau, rút ngắn thời gian xét hoàn từ 40 ngày xuống 20 ngày,... Doanh nghiệp sản xuất trang thiết bị phòng chống dịch được hoàn 100% thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Thứ ba, miễn và giãn nộp thuế với một số trường hợp cụ thể, miễn thuế thu nhập cá nhân với các khoản thu nhập, trợ cấp và tiền thưởng được trả cho những người làm việc trên tuyến đầu chống đại dịch. Giãn thuế thu nhập cá nhân phải nộp chuyển tới thời kỳ cuối năm 2020. Miễn thuế nhập khẩu các hàng hóa nhập khẩu để phục vụ chống dịch hoặc nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng hóa giúp phòng ngừa và kiểm soát COVID-19. Giãn tiền thuê đất doanh nghiệp phải nộp trong 6 tháng để doanh nghiệp dồn lực khắc phục những vấn đề do dịch bệnh tác động.

Thứ tư, đẩy mạnh xúc tiến triển khai dịch vụ thuế điện tử eTax. Tổng Cục thuế thay vì triển khai eTax cho 18 Tỉnh thành phố còn lại vào tháng 11 như dự kiến sẽ chuyển sang thực hiện ngay trong tháng 6/2020.

Giải pháp 7. Phối hợp với Bộ KHĐT có kế hoạch giải ngân chi tiết cụ thể các dự án, chương trình lớn; Ban hành tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; có thể hoãn một số chương trình đầu tư chưa quan trọng; nâng hạn mức gói thầu được cho phép chỉ định thầu. Đẩy mạnh triển khai việc đấu thầu qua mạng.

Thứ nhất, có kế hoạch giải ngân chi tiết cụ thể các dự án lớn, quan trọng, chương trình mục tiêu quốc gia, dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài. Đối với các dự án, công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: cho phép tiếp tục giải ngân số vốn còn lại của năm 2019 đến hết tháng 6 năm 2020. Đối với các dự án, công trình quan trọng, cấp bách nhưng chưa bố trí được nguồn vốn thì các Bộ, ngành và địa phương chỉ đạo các

chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành các thủ tục đầu tư và chủ động làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xử lý nguồn vốn, kể cả việc tạm ứng từ ngân sách nhà nước để thực hiện. Tạm hoãn thu hồi các khoản vốn ngân sách nhà nước đã ứng trước kế hoạch 2020. Cho phép tiếp tục giải ngân số vốn trái phiếu Chính phủ còn lại của năm 2019 trong năm 2020. Cho phép điều chỉnh tổng mức đầu tư với các dự án sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ đã có trong danh mục được Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao.

Thứ hai, ban hành tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công. Chính phủ cần tham khảo tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý đầu tư công của quỹ tiền tệ quốc tế để có những giải pháp phù hợp.

Thứ ba, tạm hoãn các khoản đầu tư công chưa cấp bách, ví dụ như sân bay Long Thành được đề cập trong Chỉ thị 11. Thực tế, việc đầu tư sân bay là cần thiết, tuy nhiên trong thời gian này nên chuyển các nguồn vốn này sang hỗ trợ các doanh nghiệp. Sau khi nền kinh tế hồi phục sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư.

Thứ tư, cho phép nâng hạn mức được áp dụng chỉ định thầu. Hiện nay theo Điều 54 Nghị định 63-2014-NĐ/CP, hạn mức gói thầu được áp dụng chỉ định thầu chỉ là không quá 500 triệu đồng với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ công; không quá 1 tỷ đồng với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hỗn hợp,... Nếu có thể nâng hạn mức này lên thì đối tượng được chỉ định thầu mở rộng hơn, giải ngân vốn đầu tư nhanh hơn.

Thứ năm: Đẩy mạnh triển khai việc đấu thầu qua mạng, giảm chi phí hành chính và tăng sự tham gia của các đơn vị trong và ngoài nước có đủ năng lực tham gia đấu thầu công khai rộng rãi.

Nhóm giải pháp hỗ trợ BHXH cho doanh nghiệp và an sinh xã hội

Giải pháp 8. Hỗ trợ về bảo hiểm xã hội cho nhóm các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19

Thứ nhất, miễn phí bảo hiểm xã hội cho các chế độ hưu trí, tử tuất quý 1 và 2 năm 2020, cho các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nghiêm trọng và ngay lập tức như: Hàng không, Du lịch, Khách sạn, Giáo dục (khu vực tư),... Các nhóm doanh nghiệp này suy giảm nặng nề thậm chí đóng cửa do tác động của dịch bệnh, việc phục hồi không thể một sớm một chiều kể cả khi dịch bệnh được đẩy lùi. Trên thực tế Nhà nước đã có chính sách

miễn giảm phí Bảo hiểm xã hội hưu trí, tử tuất rất kịp thời cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan thuế, cơ quan quản lý nhà nước đối với các nhóm doanh nghiệp/ngành nghề nêu trên có sự xem xét kịp thời và theo sát thực tế, không để doanh nghiệp gặp khó trong quá trình triển khai chính sách.

Thứ hai, giãn thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho những ngành mà sản xuất bị trì trệ, như một số nhà máy dệt may, da giày, sản xuất đồ gỗ,... do lượng công nhân từ các vùng dịch không tiếp tục làm việc.

Thứ ba, miễn đóng bảo hiểm thất nghiệp cho những doanh nghiệp bị xếp hạng trong nhóm gặp khó khăn do tình hình dịch bệnh kéo dài.

Thứ tư, tiền lương của người lao động bị cách ly sẽ do bảo hiểm xã hội chi trả. Một số lao động của các doanh nghiệp sản xuất bị yêu cầu phải cách ly tại nhà, trong khoảng thời gian này các doanh nghiệp vẫn phải trả lương mặc dù người lao động không đi làm.

Giải pháp 9. Hỗ trợ trực tiếp của chính phủ đối với lao động bị ảnh hưởng bởi COVID-19

Thứ nhất, xem xét giải quyết chế độ trợ cấp thất nghiệp cho người lao động nhanh chóng, kịp thời để họ ổn định cuộc sống khi bị mất việc do tác động của dịch bệnh COVID-19, thậm chí hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp đặc biệt mà không cần chấm dứt hợp đồng lao động. Nếu dịch bệnh vẫn tiếp tục kéo dài, nên cân nhắc kéo dài thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp dịch vụ, khó khăn hiện tại không hoàn toàn do thị trường cũng như các yếu tố quản trị của doanh nghiệp. Ví dụ các trường tư phải ngừng hoạt động 100% do yêu cầu của chính quyền nhằm phòng tránh dịch bệnh. Tất cả giáo viên phải nghỉ không lương do không có nguồn thu. Họ gặp khó khăn khi tìm kiếm công việc khác cùng chuyên môn do tất cả các trường đều phải đóng cửa theo quy định. Khi làm thủ tục bảo hiểm thất nghiệp, các giáo viên cũng cần có các giấy tờ như quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Nếu sau này quay trở lại đóng bảo hiểm ở cơ sở giáo dục tư thục cũ cũng phát sinh bất cập.

Thứ hai, những người lao động có hợp đồng lao động, tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp nhưng chưa đủ 12 tháng (theo thời gian quy định tại điều 43 Luật Việc làm) (đóng bảo hiểm thất nghiệp được từ 6 tháng đến dưới 12 tháng), do điều kiện bất khả kháng của dịch bệnh COVID-19 phải dừng công việc, cũng sẽ được hưởng 60% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp. Tương tự, thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp tối thiểu là 03 tháng.

Thứ ba, toàn bộ lao động theo điều 43 Luật Việc làm dù chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tối thiểu 9 tháng, đều được hưởng chế độ hỗ trợ học nghề theo Điều 55 và 56.

Thứ tư, với lao động tại khu vực phi chính thức không thuộc diện bao phủ của bảo hiểm cũng như lưới an sinh xã hội chưa tới họ, cần có chính sách hỗ trợ đặc biệt. Đây là đối tượng bị ảnh hưởng với quy mô lớn, ngay lập tức và tổn thương nhất trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay.

Thứ năm, trung tâm dịch vụ việc làm đối với người lao động ở các đô thị, thành phố cần tăng cường năng lực hỗ trợ trực tuyến về cung cấp thông tin việc làm đối với những đối tượng lao động thiếu việc làm và có nhu cầu. Việc duy trì liên lạc với các doanh nghiệp để có được thông tin cập nhật về nhu cầu tuyển dụng số lượng lao động rồi thông báo, tư vấn cho đối tượng khách hàng của trung tâm dựa trên nền tảng công nghệ 4.0 là phù hợp trong giai đoạn hiện tại và là xu hướng của tương lai.

Nhóm giải pháp từ các doanh nghiệp

Giải pháp 10: Tái cơ cấu doanh nghiệp theo hướng giảm đầu mối, tăng hiệu quả, cập nhật công nghệ, cơ cấu và đào tạo lại nhân lực

Thứ nhất, cần tập trung vào chất lượng tăng trưởng và năng suất, các hoạt động chưa cần thiết hay chưa hiệu quả nên cắt giảm và dồn nguồn lực vào các mặt hàng, sản phẩm có thế mạnh, hiệu quả. rà soát các khoản chi và hoạch định lại vốn và nguồn vốn. Tính toán chặt chẽ các ngưỡng chi phí cố định, biến đổi, chi phí vận hành Xác định ngưỡng đóng cửa hàng nếu cần thiết. Chủ động điều chỉnh lại dây chuyền sản xuất kinh doanh, cho phép một bộ phận cán bộ, nhân viên đủ điều kiện được làm việc từ xa, tại nhà, không phải đến cơ quan, nhất là lĩnh vực môi giới, tiếp thị, pháp chế, công nghệ thông tin...

Thứ hai, tái cấu trúc doanh nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tái cơ cấu đầu tư, cơ cấu lại sản phẩm chủ lực, coi trọng phát triển sản phẩm nhà ở vừa túi tiền, nhà ở xã hội, đáp ứng nhu cầu thực của đông đảo người tiêu dùng. Thực hiện các phương thức hỗ trợ đối tác thuê mặt bằng, như giảm giá cho thuê mặt bằng, giãn tiến độ trả tiền thuê, miễn tiền thuê trong một thời gian.

Thứ ba, cập nhật các phần mềm quản trị như các phần mềm quản lý cửa hàng, kế toán, nhân lực... trang bị các camera và máy bán hàng, có mã số mã vạch sẽ giảm nhiều chi phí nhân lực làm các công việc giản đơn.

Thứ tư, thay thế các sự kiện bán hàng theo kiểu truyền thống bằng các giải pháp công nghệ để khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin. Cập nhật các kỹ thuật bán hàng và tiếp thị qua

mạng, gia tăng khách hàng và tăng chất lượng dịch vụ. Tăng cường hoạt động marketing hỗn hợp, kết hợp bán hàng qua mạng trực tuyến, thương mại điện tử và kinh doanh số.

Thứ năm, rà soát nguồn nhân lực, đào tạo lại nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, phát triển đa dạng kỹ năng bán hàng, tiếp thị, quản trị... Tập trung vào đổi mới sáng tạo của lực lượng lao động hơn là số lượng lao động.

Giải pháp 11: Phát triển các nguồn nguyên vật liệu trong nước, tìm và thay thế các nguồn nhập khẩu, phát triển các nguồn nguyên liệu và liên kết sâu với các nhà cung ứng nội địa.

Thứ nhất, một số loại vật liệu Việt Nam có lợi thế như cao su, gạo... cần phải duy trì nguồn cung ổn định. Đảm bảo có doanh nghiệp lớn, đầu đàn thu gom dự trữ dựa theo gói hỗ trợ của Chính Phủ.

Trong giai đoạn đại dịch COVID-19, chuỗi giá trị toàn cầu mà Việt Nam tham gia bị đứt gãy khi các thị trường xuất khẩu như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản đang dừng các đơn hàng, các quốc gia cung ứng như Trung Quốc và Hàn Quốc mới bắt đầu khôi phục sản xuất nên việc xuất khẩu các mặt hàng này của Việt Nam cũng có những khó khăn nhất định. Để duy trì lợi thế cạnh tranh thực cần phải có các quỹ hỗ trợ thu mua hoặc hỗ trợ xuất khẩu giúp đảm bảo nguồn cung phát triển ổn định, vừa đảm bảo an ninh lương thực, vừa giúp cho lợi thế cạnh tranh của Việt Nam được duy trì bền vững.

Thứ hai, các doanh nghiệp cần nghiên cứu và phát triển các loại nguyên liệu mới thay thế nhựa, nhiên liệu hóa thạch... bằng các nguyên liệu tự nhiên, năng lượng tái tạo. Hiện tại xu hướng phát triển các loại nguyên liệu tự nhiên có xen-lu-lô như gạo, sắn, ngô... có thể thay thế một số bao bì nhựa, ống hút... Việt Nam rất sẵn các nguồn nguyên liệu có xen-lu-lô này nên cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển loại nguyên liệu này. Đối với nguyên liệu xây dựng hoặc dân dụng như cát, đất, gạch... ngày càng cạn kiệt có thể nghiên cứu các vật liệu xỉ, tro, bụi ... thay thế. Các nguyên vật liệu cho ngành dệt may cũng cần có hỗ trợ phát triển thay thế các vật liệu có độ bền hơn hoặc gia tăng tính diệt khuẩn có thể tăng cường vật liệu nano, vừa giảm trọng lượng vật liệu, vừa giảm tỷ trọng sử dụng...

Thứ ba, lập các quỹ đầu tư mạo hiểm tăng cường nghiên cứu đổi mới, sáng tạo vật liệu mới, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các cuộc thi nghiên cứu và ứng dụng vật liệu mới nhằm tạo ra trào lưu đi đầu về ứng dụng nguyên vật liệu trong sản xuất và kinh doanh.